

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 355/2024/HC-PT
Ngày 26/6/2024
V/v khiếu kiện hành vi hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang
Các Thẩm phán: Ông Phùng Hải Hiệp;
Ông Điều Văn Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Hương Thùy - Thư ký viên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 92/2024/TLPT-HC ngày 23/02/2024 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai*”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6394/2024/QĐ-PT ngày 10/6/2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Cụ Lù Thị V; địa chỉ: Tổ 4, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang (đã chết ngày 17/9/2022).

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng hành chính của người khởi kiện:

- Bà Vương Thị Ng; trú tại: Thôn K, xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang;
- Bà Vương Thị Đ; địa chỉ: Ngõ 3, phố L, thôn N, thị trấn L, tỉnh Phú Thọ;
- Bà Vương Thị H; địa chỉ: Tổ 5, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang;
- Bà Vương Thị L (T); địa chỉ: Tổ 5, phường Quang Trung, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang;
- Bà Vương Thị Kim T1; địa chỉ: Ngõ 198, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;
- Ông Vương Quốc T; địa chỉ: Tổ 4, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang;

(7) Ông Vương Quốc Th; địa chỉ: Tổ 4, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

+ *Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng hành chính của người khởi kiện:*

Bà Vương Thị Ng; trú tại: Thôn K, xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang; có mặt tại phiên tòa

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Vương Thị Ng:* Luật sư Khương Tân Ph, Văn phòng Luật sư Th, Đoàn luật sư thành phố H; có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị kiện: UBND thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Danh H1; chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

(1) Anh Lầu Hồng H; địa chỉ: Tổ 8, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt;

(2) Bà Vương Thị Ph; địa chỉ: Tổ 5, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang; người đại diện theo ủy quyền của bà Ph là anh Lầu Hồng H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2022 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/9/2022 và các bản tự khai, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1959 cụ Lù Thị V (đã chết năm 2022) kết hôn với cụ Vương Văn Đ (đã chết năm 1987) và sinh được 8 người con. Trong thời gian đó các cụ có khai phá đất đai để trồng trọt tại tổ 5, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang (Không đo đạc nên không biết chính xác diện tích cụ thể là bao nhiêu). Trong quá trình tăng gia sản xuất tại khu đất trên các cụ có làm lán tạm để ở và sinh hoạt hàng ngày, có làm chuồng trại để chăn nuôi. Sau khi các con trưởng thành và xây dựng gia đình ra ở riêng các cụ có chia một phần đất khai phá được để cho các con tự tăng gia sản xuất. Các con đã được các cụ chia đất gồm: Con trai Vương Quốc T, con trai Vương Quốc Th, con gái Vương Thị H, con gái Vương Thị Ph. Trong quá trình sử dụng đất con trai Vương Quốc T đã bán đi một phần đất, chỉ còn để lại một ít đất để ở và trồng trọt, chăn nuôi; con gái Vương Thị Ph đã bán hết phần diện tích đất được bố mẹ chia cho, giáp với khu đất bà Ph được chia là phần đất còn lại của 02 cụ Lù Thị V và Vương Văn Đ có diện tích khoảng 10.121m² (*Xác định được diện tích đất trên là do khi xảy ra tranh chấp đất giữa cụ V và bà Ph, cụ V đã thuê người đến đo đạc*); đất có ranh giới như sau: Phía Đông giáp núi, phía Tây giáp suối, phía Nam giáp đường dân sinh, phía Bắc giáp đất nhà ông Th. Đến năm 2016, do bà Ph không có đất canh tác nên thương con cụ V đã cho bà Ph mượn đất để trồng trọt, nhưng cụ có thỏa thuận với bà Ph là chỉ được trồng cây ngắn ngày (*như: Ngô, khoai, sắn*), không được trồng cây lâu năm, nhưng bà Ph chỉ trồng trọt trên diện tích đất bằng phẳng của phần đất đã mượn, còn lại để

trồng. Bà Vương Thị Ph lại cho rằng diện tích đất mà bà đã mượn của cụ Lù Thị V là do vợ chồng bà Ph khai phá được và xảy ra tranh chấp với cụ V.

Trong quá trình giải quyết tranh chấp giữa cụ V và bà Ph tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) phường Q, ngày 15/4/2022, phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H đã phối hợp với UBND phường Q, tổ dân phố tiến hành đo đạc, xác minh đối với các hộ dân sống lâu năm và cùng canh tác trong khu vực đất có tranh chấp, xác minh tại thực địa, xác định được khu đất có tranh chấp trên thuộc lô 60, 63, 69 khoảnh 6, tiểu khu 131A trạng thái là rừng TXP (*Rừng gỗ tự nhiên núi đá*) có diện tích 3.234,8m², trong đó diện tích 3.150m² đất chưa được cấp Giấy CNQSD đất, diện tích 84,8m² đã được cấp Giấy CNQSD đất cho ông Lê Duy H từ năm 2003 (*diện tích đất này năm 2010 đã chuyển nhượng hộ ông Trần Quốc T, bà Bùi Thị H. Năm 2021 ông T, bà H đã chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Th*). Hiện nay, trên đất bà Vương Thị Ph đang trồng ngô, cam, mít còn lại là cây bụi, lau sậy.

Theo trình bày của phía người khởi kiện thì diện tích 3.150 m² tranh chấp là do cụ vùi khai phá và cho bà Ph mượn, được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau:

+ Biên bản họp gia đình ngày 26/11/2021 có mặt 7/8 người con của cụ V (*vắng ông Vương Quốc T - là con trai lớn của cụ V*), xác định diện tích đất xảy ra tranh chấp mà hiện nay con trai bà Ph là anh Lầu Hồng H đang canh tác, trồng trọt là của bố mẹ (*của cụ Lù Thị V vào ông Vương Văn Đ*) khai phá. Thống nhất chia số đất đang có tranh chấp là 3.150m² và phần đất mà bà Ph mượn của bố mẹ để trồng trọt nhưng hiện đang để hoang chia cho 05 chị em gái gồm: Vương Thị Ph (*Bà Ph đã được chia đất trước đó nhưng đã bán đi, nay vẫn được chia*), Vương Thị Đ, Vương Thị Ng, Vương Thị T, Vương Thị T1.

+ Phiếu lấy ý kiến dân cư về nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất đang tranh chấp ngày 21/3/2022 có xác nhận của tổ trưởng tổ dân phố, có xác nhận của vợ chồng ông T, bà D, bà Q, bà X, bà Ng, ông B, bà Ph là những người dân sống lâu năm tại địa phương.

+ Đối với hồ sơ xin giao đất lâm nghiệp năm 2004 của gia đình ông Lầu Trung L (là chồng của bà Vương Thị Ph) không phải do ông L kê khai và trực tiếp ký vào hồ sơ mà do chính quyền địa phương tự ý kê khai và ký xác nhận, do đó việc kê khai không đúng với diện tích đất đã được cụ V chia cho; cụ thể: Diện tích đất của cụ V, cụ Đ khai phá từ năm 1960 đến năm 2016 (*là thời điểm cụ V cho bà Ph mượn đất canh tác*) chính quyền địa phương không kê khai cho cụ mà tự kê khai vào diện tích đất đứng tên ông Lầu Trung L, do đó sổ mục kê đất ngày 08/10/2004 đã ghi phần diện tích đất cấp cho ông L là 23.139m² là không đúng, vì trong phần diện tích 23.139m² này có một phần đất cụ V cho bà Ph và bà Ph đã bán, một phần cụ V vẫn đang canh tác, chưa cho hoặc bán cho ai, đến năm 2016 mới cho bà Ph mượn để trồng trọt và đến nay bà Ph chỉ canh tác trên diện tích đất bằng phẳng có diện tích 3.150m², trong số diện tích đất 10.121m² (*đo đạc ngày 15/4/2022 xác định được*), có 3.150m² cụ V chưa thực hiện việc đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cụ V đã làm đơn giải quyết tranh chấp đất đai giữa cụ V và bà Ph tại UBND phường Q. Ngày 23/2/2022 UBND phường Q tiến hành hòa giải; cụ V không nhất trí kết quả hòa giải tại UBND phường Q và tiếp tục đề nghị đến UBND thành phố giải quyết theo thẩm quyền.

UBND thành phố H sau khi nghiên cứu đơn của cụ V các tài liệu có liên quan. Ngày 13/6/2022, UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 1741/QĐ-UBND “V/v giải quyết tranh chấp đất đai” Quyết định:

“Điều 1: Không xem xét, giải quyết nội dung đơn khởi kiện của cụ Lù Thị V do không có căn cứ cho rằng bà Vương Thị Ph mượn đất của cụ V năm 2016. Phần diện tích đất tranh chấp 3.150m² chưa được cấp Giấy CNQSD đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Vương Thị Ph do đã đăng ký kê khai và được UBND thị xã H giao đất lâm nghiệp theo hồ sơ giao đất năm 2004.

Điều 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định này, nếu không đồng ý với Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai các bên có quyền khiếu nại đến Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh hoặc khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

Điều 3 ...”

Không nhất trí với Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND thành phố H, Cụ V làm khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đề nghị hủy Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND thành phố H. Trong quá trình giải quyết vụ án cụ V chết (ngày 17/9/2022) những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng hành chính của cụ Lù Thị V: Bà Vương Thị Ng, Vương Thị Đ, Vương Thị H, bà Vương Thị L (T), Vương Thị Kim T1, Vương Quốc T, ông Vương Quốc Th (tại các bút lục từ 219-247) đều khai như bà Ng và đề nghị HĐXX hủy Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND thành phố H.

Người bị kiện UBND thành phố H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND thành phố H là ông Trần Xuân P trình bày:

Đối chiếu với hồ sơ địa chính, tra cứu sổ mục kê đất đã được đăng ký năm 2004. Trong đó, hộ ông Lầu Trung L (chồng bà Ph) đã có đơn xin giao đất và đã được giao đất lâm nghiệp, có danh sách tên hộ tại sổ mục kê. Cụ thể, ông Lầu Trung L được giao đất 03 thửa đất số 308, 330, 187 tờ bản đồ số 1 tiểu khu 131A, thời hạn sử dụng 50 năm. Trong đó phần diện tích đất đang tranh chấp thuộc một phần thửa 187, tờ bản đồ số 1, diện tích 23.139m² đất lâm nghiệp.

Về cơ sở pháp lý: Việc giao đất lâm nghiệp và đã được đăng ký tại sổ mục kê nêu trên là một trong những cơ sở quan trọng để xác định thời điểm quản lý, sử dụng đất ổn định của hộ ông Lầu Trung L, bà Vương Thị Ph theo Điều 20 Nghị định số 43/2013/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Trong quá trình sử dụng đất, cụ Lù Thị V không đăng ký sử dụng đất tại khu vực đang có tranh chấp với bà Ph, mà chỉ có các con của cụ đã đăng ký gồm ông Vương Quốc T, ông Vương Quốc Th, ông Lầu Trung L (con rể cụ V) đăng ký và được UBND thị xã H giao đất lâm nghiệp theo hồ sơ giao đất năm 2004.

Trong quá trình giải quyết, đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng hành chính của cụ Lò Thị V, bà Vương Thị Ng có xuất trình các giấy tờ có liên quan. Tuy nhiên, các giấy tờ không phải là các giấy tờ về quyền sử dụng đất được quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Đối với phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đang tranh chấp ngày 21/3/2022 do đại diện gia đình cụ V cung cấp, qua quá trình xác minh, việc tổ chức lấy ý kiến dân cư nêu trên được tổ chức không đúng trình tự và không khách quan.

Căn cứ vào hồ sơ, tài liệu đất đai UBND thành phố H ban hành Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 về việc giải quyết tranh chấp đất đai là đúng quy định của pháp luật. Phía người bị kiện đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 “V/v giải quyết tranh chấp đất đai” của cụ Lò Thị V.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 28/12/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã quyết định:

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 59; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204, Điều 206, Điều 213; khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 358 Luật Tố tụng hành chính; khoản 24 Điều 3; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2013/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của cụ Lò Thị V (đã chết), *Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng hành chính của người khởi kiện*: Bà Vương Thị Ng, bà Vương Thị Đ, bà Vương Thị H, bà Vương Thị L (T), bà Vương Thị Kim T1, ông Vương Quốc T, ông Vương Quốc Th về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND thành phố H “về việc giải quyết tranh chấp đất đai” giữa cụ Lò Thị V và bà Vương Thị Ph.

2. Về chi phí tố tụng:

- Bà Ng, bà Đ, bà H, bà L, bà T1, ông Th, ông T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền: 2.520.000đ (bà Ng đã nộp đủ.)

- Bà Ng, bà Đ, bà H, bà L, bà T1, ông Th, ông T chịu toàn bộ chi phí đo đạc số tiền: 8.388.807đ (bà Ng đã thanh toán với Văn phòng đăng ký đất đai Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh H).

3. Về án phí: Bà Vương Thị Ng, bà Đ, bà H, bà L, bà T1, ông Th, ông T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*); được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000105 ngày 25/10/2022 của Cục thi hành án tỉnh H (đã nộp đủ).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/01/2022, bà Vương Thị Ng có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 28/12/2023 của Tòa án

nhân dân tỉnh Hà Giang và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phía người khởi kiện cho rằng: quyết định của bản án sơ thẩm là không khách quan; ông L là con rể, không có quyền quản lý, sử dụng đất; Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh, thẩm định tại chỗ, không thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ; hồ sơ giao đất cho ông L là không đầy đủ theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 62/2000-TTLT, không có quyết định giao đất nào; Quyết định số 1741 của Chủ tịch UBND thành phố H là chưa đủ căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để giải quyết lại.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Về tố tụng, Tòa án cấp phúc thẩm và các thành viên Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính; kháng cáo của bà Vương Thị Ng trong hạn luật định, hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Về nội dung, bên khởi kiện không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh quyền sử dụng đất của mình, không chứng minh được việc cho mượn đất. Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện diện tích đất tranh chấp được giao cho ông L; cụ V chưa bao giờ đăng ký quyền sử dụng đất. Vì vậy, Quyết định số 1741 của Chủ tịch UBND thành phố H là có căn cứ; bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào kết quả tranh tụng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Vương Thị Ng có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định theo đúng quy định tại các điều 205, 206, 209 Luật Tổ tụng hành chính nên kháng cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2022, người khởi kiện là cụ Lù Thị V yêu cầu hủy Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa cụ Lù Thị V và bà Vương Thị Ph đối với diện tích đất 3.150m², thuộc một phần thửa số 187, tờ bản đồ số 1, tổng diện tích 23.139m² đất lâm nghiệp vì cho rằng Quyết định này không có căn cứ theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định số 1741 ngày 13/6/2022 của UBND thành phố H là đối tượng khởi kiện; xác định yêu cầu khởi kiện bảo đảm về thời hiệu và đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp với các quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Xét yêu cầu của người khởi kiện, thấy rằng, về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp, đối chiếu với hồ sơ địa chính, hộ ông Lầu Trung L (chồng

bà Ph) đã có đơn xin giao đất và đã được giao đất lâm nghiệp, có danh sách tên hộ tại sổ mục kê năm 2004; cụ thể, ông Lầu Trung L được giao đất 03 thửa đất số 308, 330, 187 tờ bản đồ số 1 tiểu khu 131A, thời hạn sử dụng 50 năm; phần diện tích đất đang tranh chấp thuộc một phần thửa 187, tờ bản đồ số 1, diện tích 23.139m² đất lâm nghiệp. Việc giao đất lâm nghiệp đã được đăng ký tại sổ mục kê là một trong những cơ sở quan trọng để xác định thời điểm quản lý, sử dụng đất ổn định của hộ ông Lầu Trung L, bà Vương Thị Ph theo Điều 20 Nghị định số 43/2013/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Trong quá trình sử dụng đất, cụ Lù Thị V không đăng ký sử dụng đất tại khu vực đang có tranh chấp mà chỉ có các con của cụ đã đăng ký gồm: ông Vương Quốc T, ông Vương Quốc Th, ông Lầu Trung L (con rể cụ V) đăng ký và được UBND thị xã H giao đất lâm nghiệp theo hồ sơ giao đất năm 2004.

[4] Trong quá trình giải quyết tranh chấp tại UBND thành phố H, phía người khởi kiện có xuất trình các tài liệu, chứng cứ như Biên bản họp gia đình ngày 26/11/2021, phiếu lấy ý kiến của khu dân cư. Tuy nhiên, các giấy tờ này không phải là căn cứ để xác định quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013. Đối với phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất ngày 21/3/2022 do đại diện gia đình cụ V cung cấp, qua xác minh, việc tổ chức họp lấy ý kiến dân cư không đúng trình tự và không khách quan. Do đó, không có căn cứ pháp lý để xác định nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do cụ Lù Thị V khai hoang như trình bày của phía người khởi kiện. Khi giải quyết tranh chấp, Chủ tịch UBND thành phố H quyết định không chấp nhận yêu cầu của cụ Lù Thị V vì không có căn cứ cho rằng bà Vương Thị Ph mượn đất của cụ Lù Thị V là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

[5] Về thẩm quyền ban hành, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 203 Luật Đất đai 2013 thì: “*Trường hợp tranh chấp giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết; nếu không đồng ý với quyết định giải quyết thì có quyền khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính*”. Trong vụ án này, việc tranh chấp đất đai giữa cụ Lù Thị V và bà Vương Thị Ph đã được giải quyết tranh chấp tại UBND phường Q nhưng không thành; cụ V đã có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp tại UBND thành phố H, Chủ tịch UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 là đúng thẩm quyền. Ở phần ký người ban hành Quyết định, Chủ tịch UBND thành phố H đã ký “TM. Ủy ban nhân dân” là sai sót, cần rút kinh nghiệm; tuy nhiên, sai sót này không ảnh hưởng đến tính đúng đắn và có căn cứ của nội dung Quyết định đã ban hành.

[6] Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 13/6/2022, quá trình giải quyết theo đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc đất của cụ V ngày 06/01/2022, UBND thành phố đã phối hợp với các phòng, ban chuyên môn, UBND phường Q tiến hành xác minh nguồn gốc đất, xác minh đối với người dân sống lâu năm tại địa phương (BL 284-294); tiến hành đo đạc, xác minh tại thực địa khu vực đất có tranh chấp (BL 85-86; 81); đối chiếu với hồ sơ

địa chính, tra cứu sổ mục kê đất được đăng ký năm 2004 đề ban hành quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Ngoài những vấn đề nêu trên, ở giai đoạn sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm xác định người bị kiện là UBND thành phố H là không đúng. Trong vụ án này, người ban hành Quyết định hành chính bị khởi kiện là Chủ tịch UBND thành phố H nên người bị kiện phải là Chủ tịch UBND thành phố H mới đúng. Tuy nhiên, Chủ tịch UBND thành phố H vẫn tham gia tố tụng; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện vẫn tham gia tố tụng và có mặt tại phiên tòa. Như vậy, sai sót này mặc dù cần được rút kinh nghiệm nhưng quyền, lợi ích chính đáng của những người tham gia tố tụng vẫn được bảo đảm và việc giải quyết về nội dung là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên không cần thiết phải giải quyết sơ thẩm lại để xác định lại tư cách của người bị kiện.

[8] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Vương Thị Ng, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí, do không được chấp nhận kháng cáo, căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà Vương Thị Ng phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của bà Vương Thị Ng, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

2. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Vương Thị Ng phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000007 ngày 30/01/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP (VP), HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Chu Thành Quang

